

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1791**/UBND-NC  
V/v triển khai, thực hiện Kế hoạch số  
37/KH-STTTT- VP ngày 11/7/2023 của  
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh

Thị xã Duyên Hải, ngày **13** tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Ủy ban nhân dân thị xã nhận Kế hoạch số 37/KH-STTTT-VP ngày 11/7/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh về việc duy trì, nâng cao và khắc phục những hạn chế các tiêu chí thuộc Chỉ số thứ 7-Phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số của Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số thứ 8 Quản trị điện tử thuộc chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh (PAPI) năm 2023 (đính kèm), Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã phổ biến Kế hoạch nêu trên đến các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường biết, thực hiện./.

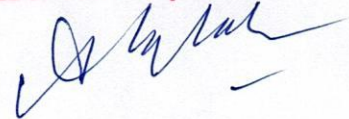
Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã biết, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Lãnh đạo VP HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC (Thúy)

**KT CHỦ TỊCH** *do*

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Lành*



## KẾ HOẠCH

**Duy trì, nâng cao và khắc phục những hạn chế các tiêu chí thuộc chỉ số thứ 7 - Phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số của Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số thứ 8 Quản trị điện tử thuộc chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh (PAPI) năm 2023**

Thực hiện Công văn số 1913/UBND-NC ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc khắc phục những hạn chế, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023; Công văn số 1878/UBND-NC ngày 9 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc khắc phục những hạn chế, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (Chỉ số PAPI) năm 2023. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

### **I. KHÁI QUÁT CHỈ SỐ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ; QUẢN TRỊ ĐIỆN TỬ**

Sở Thông tin và Truyền thông được phân công phụ trách Chỉ số Phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc Chỉ số PAR Index và Chỉ số thứ 8 Quản trị điện tử thuộc Chỉ số PAPI.

**1. Về Phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc PAR Index:** Phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số gồm 03 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần, tổng điểm phụ trách là 13,5/100 điểm, trong đó điểm khảo sát là 01/13,5 điểm.

- Kết quả năm 2022 đạt 10,1352/13,5 điểm (trong đó: có 12,5 điểm kết quả tự chấm và 1 điểm qua điều tra khảo sát), xếp hạng 39/63 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương. Lĩnh vực này có 07 tiêu chí thành phần đạt điểm tối đa.

Các tiêu chí, tiêu chí thành phần không đạt điểm tối đa; nguyên nhân:

- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây: Tiêu chí này đạt 0,5 điểm (điểm tối đa là 1 điểm).

\* Nguyên nhân: Bộ Thông tin và Truyền thông chưa triển khai việc kết nối nền tảng điện toán đám mây, do đó tất cả các địa phương đều chấm 0 điểm đối với nội dung này (theo ý kiến của Hội đồng thẩm định).



- Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức: Tiêu chí này đạt 0,5333 điểm (điểm tối đa là 1 điểm).

\* Nguyên nhân: Một số cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin của bộ, ngành chưa được kết nối, chưa có hướng dẫn kết nối cụ thể như: cơ sở dữ liệu dân cư, Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (phân hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường), Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải), Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến...

- Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh: Tiêu chí này đạt 1,4 điểm (điểm tối đa là 1,5 điểm).

\* Nguyên nhân: Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa đạt tỷ lệ theo quy định (hoàn thành kết nối 27/30 chế độ báo cáo, đạt tỷ lệ 90%)

- Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh: Tiêu chí này đạt **0,7981** điểm (điểm tối đa là 1 điểm)

\* Nguyên nhân: Tiêu chí này thực hiện khảo sát

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: Tiêu chí này đạt 0,2734 điểm (điểm tối đa là 1,5 điểm).

\* Nguyên nhân: Một số dịch vụ công trực tuyến cung cấp mức độ toàn trình nhưng chưa đảm bảo thực hiện toàn trình (một số thành phần hồ sơ chưa đảm bảo nộp trực tuyến:...); công tác tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp về lợi ích của việc sử dụng dịch vụ trực tuyến còn hạn chế.

- Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: Tiêu chí này đạt **0,29** điểm (điểm tối đa là 0,5 điểm)

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: Tiêu chí này đạt **0,34** điểm (điểm tối đa là 0,5 điểm)

\* Nguyên nhân: Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC đã cung cấp 100% TTHC có nghĩa vụ tài chính, hỗ trợ người dân doanh nghiệp thực hiện thanh toán trực tuyến, tuy nhiên do thói quen, nhu cầu người dân, doanh nghiệp chọn thanh toán bằng hình thức trực tiếp nên tỷ lệ TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến còn thấp.

## 2. Về Chỉ số SIPAS

Kết quả đo lường hài lòng năm 2022 cho thấy nhận định của người dân về sự phục vụ của Sở Thông tin và Truyền thông ở mức tương đối cao đạt 99% (tỉnh đạt 81,93% và cả nước 80,06%).

**3. Về Chỉ số nội dung quản trị điện tử thuộc PAPI:** Chỉ số Quản trị điện tử gồm 03 chỉ số thành phần. Năm 2022, đạt 2,67 điểm, cao hơn 0,1 điểm



so với năm 2021 (thấp hơn 0,34 điểm so với điểm trung bình toàn quốc 2,67/3,01 điểm). Kết quả cụ thể của các nội dung thành phần so với năm 2021:

| Số TT            | Chỉ số nội dung thành phần                                | Số điểm năm 2021 | Số điểm năm 2022 | So sánh kết quả |
|------------------|---|------------------|------------------|-----------------|
| 1                | Sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương | 0,37             | 0,36             | - 0,01          |
| 2                | Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương               | 1,75             | 1,94             | + 0,19          |
| 3                | Phúc đáp của chính quyền qua Công thông tin điện tử       | 0,45             | 0,36             | - 0,09          |
| <b>Tổng điểm</b> |   | <b>2,57</b>      | <b>2,67</b>      | <b>+ 0,1</b>    |

## II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đạt được, cũng như khắc phục những hạn chế, yếu điểm, phối hợp thực hiện nâng cao chỉ số thứ 7 Phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số PAR Index) và Chỉ số thứ 8 Quản trị điện tử thuộc chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh (Chỉ số PAPI) năm 2022 và những năm tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút tốt đầu tư trên địa bàn tỉnh.

### 2. Yêu cầu

Người đứng đầu phải gương mẫu, nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ động đề xuất giải pháp đảm bảo hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định nhiệm vụ cụ thể của từng cá nhân, đơn vị và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu thực hiện hoàn thành đạt và vượt mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

## III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết như Phụ lục đính kèm)

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Đề nghị Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.



b) Rà soát tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ khuyến khích người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến; triển khai các giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.

c) Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 của tháng cuối quý) và báo cáo năm (trước ngày 30 tháng 11) hoặc đột xuất, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ.

## 2. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

a) Căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông, các phòng chuyên môn, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tham mưu Ban Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu của Kế hoạch.

b) Giao Phòng Bưu chính, Viễn thông - Công nghệ thông tin chủ trì tham mưu Ban Giám đốc Sở theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị báo cáo Sở Nội vụ theo quy định.

c) Giao Văn phòng chủ trì thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, nhằm tiếp tục duy trì kết quả phục vụ Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của Sở Thông tin và Truyền thông trong năm 2023.

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ;
- Các sở ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố (p/h);
- BGĐ Sở;
- Lãnh đạo các phòng, trung tâm thuộc Sở;
- Trang TTĐT của Sở;
- P. BCVT-CNTT;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Chuẩn**



**PHỤ LỤC**

**Phân công nhiệm vụ khác phục những hạn chế, yếu điểm và phối hợp thực hiện tiêu chí số 7  
(hiện đại hóa nền hành chính) thuộc Chỉ số PAR Index, chỉ số PAPI**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-STTTT-VP ngày tháng 6 năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

| STT      | Nhiệm vụ   | Cơ quan phụ trách chính  | Cơ quan phối hợp   | Thời gian    |
|----------|--|--|--|--------------|
| <b>I</b> | <b>Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu</b>  |  |  |              |
| 1        | Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu   |  |  |              |
| a        | Tiếp tục tổ chức triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 7/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Trà Vinh phiên bản 2.0  | Sở Thông tin và Truyền thông<br>(Phòng Bưu chính, Viễn thông – CNTT) | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Thường xuyên |
| 2        | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyên đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây  |  |  |              |
| a        | Tiếp tục triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyên đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020 | Sở Thông tin và Truyền thông<br>(Phòng Bưu chính, Viễn thông – CNTT) | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Thường xuyên |
| b        | Kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ khi Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai, hướng dẫn kết nối  | Sở Thông tin và Truyền thông<br>(Phòng Bưu chính, Viễn thông –       | Các đơn vị có liên quan  | Thường xuyên |



| STT       | Nhiệm vụ   | Cơ quan phụ trách chính  | Cơ quan phối hợp   | Thời gian    |
|-----------|--|--|--|--------------|
| 3         | Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh   | CNTT)  |  |              |
| a         | Tiếp tục rà soát, nâng cấp, vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng, dịch vụ CNTT của tỉnh với nhau và với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP); phối hợp thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Công dịch vụ công tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin của bộ, ngành | Sở Thông tin và Truyền thông<br>(Phòng Bưu chính, Viễn thông – CNTT) | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Thường xuyên |
| 4         | Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức  |  |  |              |
| a         | Tiếp tục triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), sẵn sàng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin của tỉnh với nhau và với các hệ thống thông tin có chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)                           | Sở Thông tin và Truyền thông<br>(Phòng Bưu chính, Viễn thông – CNTT) | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Thường xuyên |
| <b>II</b> | <b>Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước</b>  |  |  |              |
| 1         | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh   |  |  |              |
|           | Rà soát, tổ chức sử dụng đồng bộ sử dụng hệ thống VNPT iOffice thực hiện công tác văn thư (soạn thảo, ký ban hành văn bản; quản lý văn bản; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan,...) theo quy định tại Nghị định số   | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp       | Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Bưu chính, Viễn thông –    | Thường xuyên |



| STT | Nhiệm vụ   | Cơ quan phụ trách chính  | Cơ quan phối hợp   | Thời gian    |
|-----|--|--|--|--------------|
|     | 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; đảm bảo tất cả cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trong quy trình giải quyết công việc phải thực hiện trên VNPT iOffice; thực hiện ký số văn bản theo quy định đảm bảo tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng; 100% các sở, ban ngành có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 80% trở lên, 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 50% trở lên |  | CNTT)  |              |
| 2   | Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền  |  |  |              |
|     | Rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng hệ thống iOffice đáp ứng yêu cầu thực hiện Công tác văn thư theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ; thực hiện nghiệp vụ lưu trữ điện tử tại Lưu trữ cơ quan theo Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo 100% các sở, ban, ngành, 100% UBND cấp huyện, 100% cấp xã phải được kết nối, trao đổi văn bản với nhau; liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia   | Sở Thông tin và Truyền thông<br>(Phòng Bưu chính, Viễn thông – CNTT) | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Thường xuyên |
| 3   | Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh   |  |  |              |
| a   | Tiếp tục rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông; đảm bảo 100% các chế độ báo cáo của UBND tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ  | Văn phòng UBND tỉnh  | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Thường xuyên |



| STT        | Nhiệm vụ   | Cơ quan phụ trách chính   | Cơ quan phối hợp   | Thời gian    |
|------------|--|---|--|--------------|
| b          | Tổ chức thực hiện các báo cáo định kỳ qua hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan nhà nước   | Văn phòng UBND tỉnh   | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Thường xuyên |
| <b>III</b> | <b>Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức</b>   |   |  |              |
| 1          | Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định   |   |  |              |
| a          | Tiếp tục rà soát, nâng cấp Công Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông   | Văn phòng UBND tỉnh   | Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện                        | Thường xuyên |
| b          | Duy trì Công Thông tin điện tử hoạt động ổn định sau khi chuyển đổi công nghệ IPv6 theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Bưu chính, Viễn thông – CNTT, Trung tâm CNTT&TT) | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Thường xuyên |
| 2          | Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh   |   |  |              |
| a          | Tổ chức cung cấp thông tin đảm bảo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin   | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp  | Văn phòng UBND tỉnh  | Thường xuyên |



| STT | Nhiệm vụ   | Cơ quan phụ trách chính   | Cơ quan phối hợp                                       | Thời gian    |
|-----|--|---|--|--------------|
|     | điện tử của cơ quan Nhà nước, trong đó đặc biệt quan tâm cung cấp đầy đủ thông tin: các chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, ngành, địa phương; các quy định của Trung ương; các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành; các văn bản quy phạm luật cấp tỉnh, huyện; các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mới; các dự án, hạng mục đầu tư, đầu thầu mua sắm công; các kế hoạch đầu tư công; bản đồ và các quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của địa phương; các chính sách ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh, huyện, công khai ngân sách theo quy định... |   |  |              |
| 3   | Phúc đáp qua Công thông tin điện tử  |   |  |              |
| a   | Tiếp tục duy trì chuyên mục Hỏi - đáp trên Công Thông tin điện tử tỉnh/Công thông tin thành phố; thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình tiếp nhận phản ánh kiến nghị và phúc đáp kịp thời cho người dân doanh nghiệp  | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp    | Văn phòng UBND tỉnh                                    | Thường xuyên |
| b   | Tích hợp hệ thống phản ánh kiến nghị với Công Thông tin điện tử tỉnh để công khai, phúc đáp thông tin phản ánh kiến nghị của người dân doanh nghiệp  | Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Bưu chính, Viễn thông – CNTT) | Văn phòng UBND tỉnh                                    | Thường xuyên |
| 4   | Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC   |   |  |              |
| a   | Tiếp tục rà soát vận hành, nâng cấp, hoàn thiện chức năng Công dịch vụ công của tỉnh -iGate (hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành) đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày   | Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Bưu chính, Viễn thông)        | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND | Thường xuyên |



| STT | Nhiệm vụ   | Cơ quan phụ trách chính  | Cơ quan phối hợp                                  | Thời gian    |
|-----|--|--|---|--------------|
|     | 23/4/2018 của Chính phủ; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; đáp ứng các yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định | Viện thông – CNTT)   | các cấp   |              |
| 5   | Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC  |  |   |              |
| a   | Tiếp tục tổ chức thực hiện số hóa, lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC vào Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định, đảm bảo 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa.   | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên |
| 6   | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình   |  |   |              |
| a   | Tiếp tục rà soát, tổ chức cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình trên Công dịch vụ công tỉnh  | Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên |
| b   | Rà soát thống nhất đồng bộ danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công còn lại thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã.  | Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh                   | UBND các cấp                                      | Thường xuyên |
| 7   | Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình  |  |   |              |
| a   | Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao tỉ lệ người dân, doanh  | Các sở, ban, ngành   | Sở Thông tin và Truyền thông, Văn                 | Thường       |



| STT       | Nhiệm vụ   | Cơ quan phụ trách chính   | Cơ quan phối hợp  | Thời gian           |
|-----------|--|---|---|---------------------|
|           | <p>ngành thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến, phân đầu trong năm 2023 có tối thiểu 50% hồ sơ TTHC được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến</p>   | <p>tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp</p>                    | <p>phòng UBND tỉnh</p>  | <p>xuyên</p>        |
| 8         | <p>Thực hiện thanh toán trực tuyến</p>   | <p>Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp</p> | <p>Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh</p>  | <p>Thường xuyên</p> |
| a         | <p>Tiếp tục tổ chức rà soát, cung cấp 100% TTHC có có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến trên Công dịch vụ công tỉnh</p>   | <p>Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp</p> | <p>Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh</p>  | <p>Thường xuyên</p> |
| b         | <p>Triển khai các giải pháp đảm bảo có tối thiểu 60% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được người dân, doanh nghiệp thanh toán bằng hình thức trực tuyến</p>  | <p>Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp</p> | <p>Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Thông tin – Báo Chí – Xuất bản), Văn phòng UBND tỉnh</p> | <p>Thường xuyên</p> |
| <b>IV</b> | <p><b>Tiếp tục tổ chức thực hiện các biện pháp tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp về các lợi ích trong việc khai thác, sử dụng các tiện ích số do cơ quan nhà nước cung cấp, trong đó tập trung thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến, thanh toán trực tuyến, khai thác kho quản lý dữ liệu cá nhân, tổ chức ...</b></p> | <p>Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp</p> | <p>Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Thông tin – Báo Chí – Xuất bản), Văn phòng UBND tỉnh</p> | <p>Thường xuyên</p> |
| <b>V</b>  | <p><b>Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương</b></p>  | <p>Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp</p> | <p>Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Thông tin – Báo Chí – Xuất bản)</p>                      | <p>Thường xuyên</p> |
| 1         | <p>Tiếp tục tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng INTERNET trong việc tiếp cận, tìm kiếm thông tin phục vụ đời sống xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống</p>  | <p>Các sở, ban, ngành tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các cấp</p> | <p>Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng Thông tin – Báo Chí – Xuất bản)</p>                      | <p>Thường xuyên</p> |



| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan phụ trách chính | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|-----|----------|-------------------------|------------------|-----------|
|     |          |                         | bản)             |           |